

Số: **19** /2023/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày **15** tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng cho trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 379/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng cho trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng cho trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, như sau:

1. Đối tượng trợ cấp:

Trẻ em thường trú trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, mắc bệnh hiểm nghèo theo Danh mục bệnh tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Điều kiện, nguyên tắc trợ cấp:

a) Điều kiện: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này không có hỗ trợ, trợ giúp, trợ cấp hằng tháng từ nguồn ngân sách nhà nước theo các chính sách hiện hành.

b) Nguyên tắc: Đối tượng hưởng trợ cấp theo chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng hưởng theo các chính sách khác từ nguồn ngân sách nhà nước có cùng nội dung (*hỗ trợ, trợ giúp, trợ cấp...hằng tháng*) thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

3. Mức trợ cấp:

Mức trợ cấp xã hội hằng tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này bằng 2,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định hiện hành.

4. Thủ tục trợ cấp:

Thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc khoá XVII, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực các huyện ủy, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Thường trực Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Công Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (01). Tr (100b).



Hoàng Thị Thúy Lan

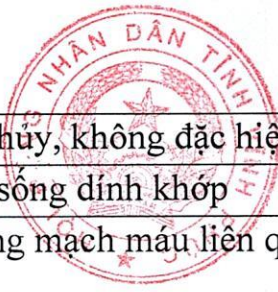


Phụ lục 1
DANH MỤC BỆNH
(Kèm theo Nghị quyết số: 19./2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Tên bệnh	Và Mã bệnh ICD -10
1	Ung thư	
2	Nhồi máu cơ tim	
3	Phẫu thuật động mạch vành	
4	Phẫu thuật thay van tim	
5	Phẫu thuật động mạch chủ	
6	Đột quỵ (tai biến mạch máu não)	I64
7	Hôn mê, không đặc hiệu	R40.2
8	Đa xơ cứng, xơ cứng rải rác	G35
9	Xơ cứng cột bên teo cơ	
10	Parkinson	G20
11	Viêm màng não vi khuẩn, không xác định	G00.9
12	Viêm não nặng	
13	U lành của não và các phần khác của hệ thần kinh trung ương	D33
14	Loạn dưỡng cơ	G71.0
15	Bại hành tủy tiến triển	
16	Teo cơ tiến triển	
17	Viêm khớp dạng thấp khác	M06
18	Hoại thư do nhiễm liên cầu khuẩn tan huyết	
19	Thiếu máu bất sản	
20	Liệt hai chân (hoặc liệt tứ chi)	G82
21	Mù hai mắt	
22	Mất hai chi	
23	Mất thính lực	
24	Mất khả năng phát âm	
25	Suy thận	N14/N18.4/ N18.5
26	Nang tủy thận	
27	Viêm tụy mạn thể khác	K86.1
28	Suy gan	K72/K72.0/K72.1/K72.9
29	Ghép mô và tạng (Ghép tim hoặc ghép gan hoặc ghép thận hoặc ghép phổi....)	Z94



30	Lao phổi tiến triển	
31	Bỏng nặng	
32	Bệnh cơ tim	
33	Alzheimer	G30
34	Tăng áp động mạch phổi nguyên phát; Tăng huyết áp động mạch phổi thứ phát	I27.0/I27.2
35	Rối loạn dẫn truyền thần kinh vận động	
36	Chấn thương sọ não nặng	
37	Nhiễm HIV	
38	Bại liệt cấp	A80
39	Sỏi đường mật có viêm túi mật; Sỏi ống mật có viêm đường mật.	K80.3/K80.4
40	Viêm tụy cấp	K85
41	Chấn thương gan nặng (độ IV trở lên)	S36.1
42	Chấn thương tụy nặng (độ III trở lên)	S36.2
43	Crohn (Viêm ruột từng vùng)	K50
44	Hirschsprung	Q43.1
45	Lao ruột	A18.3
46	Suy tim	I50
47	Các dị tật bẩm sinh của hệ thống tuần hoàn	Q20-Q28
48	Bệnh tim mạch do sơ vỡ động mạch vành	I25.0
49	U Lympho	C81-C96
50	Bệnh lý của nhiều van tim	I08
51	U trung biểu mô màng ngoài tim	C45.2
52	Cơ tim giãn (hoặc Cơ tim phì đại có tắc nghẽn hoặc Bệnh lý cơ tim hạn chế)	I42.0/I42.1/I42.5
53	Nghẽn tim bẩm sinh	Q24.6
54	Hẹp (van) động mạch chủ	I35.0
55	Viêm nội tâm mạc cấp và bán cấp	I33
56	Nhịp nhanh thất	I47.2
57	Van tim thay thế khác	Z95.4
58	Áp xe và u hạt nội sọ	G06.0
59	U lành của tủy sống	D33.4
60	Phình động mạch não	I67.1
61	Dị tật động-tĩnh mạch của các mạch máu não	Q28.2
62	Dị tật khác của các mạch máu não	Q28.3
63	Di chứng của bệnh viêm hệ thần kinh trung ương	G09



64	Não úng thủy, không đặc hiệu	G91.9
65	Viêm cột sống dính khớp	M45
66	Tổn thương mạch máu liên quan nhiều vùng cơ thể	T06.3
67	Teo hệ thống ảnh hưởng chủ yếu tới hệ thần kinh trung ương	G10-G14
68	Gù và ưỡn cột sống; Vẹo cột sống	M40/M41
69	Dị tật bẩm sinh tủy sống	Q06.8/Q06.2
70	Đái tháo đường (phụ thuộc Insulin hoặc không phụ thuộc Insulin)	E10.1/E11.1
71	Hen ác tính	J46
72	Viêm gan cấp có hôn mê gan	B15.0/B16.0/B16.2/B19.0
73	Pemphigus	L10
74	Pemphigoid bong nước	L12
75	Vảy nến mủ toàn thân	L40.1
76	Lupus ban đỏ hoặc Lupus ban đỏ hệ thống	L93/M32
77	Xơ cứng toàn thể	M34
78	Viêm da cơ	M33
79	Hội chứng trùng lấp khác	M35.1
80	Các tổn thương hệ thống của mô liên kết, không đặc hiệu	M35.9
81	Phong (bệnh Hansen)	A30
82	Sa sút trí tuệ do nguyên nhân mạch	F01
83	Sa sút trí tuệ trong các bệnh khác phân loại nơi khác	F02
84	Sa sút trí tuệ không biệt định	F03
85	Chậm phát triển tâm thần nặng	F72
86	Chậm phát triển tâm thần nghiêm trọng	F73
87	Hội chứng quên thực tổn không do rượu và chất tác động tâm thần khác	F04
88	Tâm thần phân liệt	F20
89	Rối loạn loại phân liệt	F21
90	Rối loạn phân liệt cảm xúc	F25
91	Rối loạn lan tỏa sự phát triển	F84
92	Động kinh cơn lớn, không đặc hiệu	G40.6
93	Trạng thái động kinh cơn lớn	G41.0
94	U Lympho Hodgkin	C81-C81.9



95	U Lympho dạng nang	C82-C86.6
96	Tăng sinh miễn dịch ác tính	C88-C88.9
97	Đa u tủy và các u tương bào	C90-C90.3
98	Bạch cầu dạng Lympho	C91-C91.9
99	Bạch cầu tủy	C92-C92.9
100	Bạch cầu đơn nhân	C93-C93.9
101	Bạch cầu khác có loại tế bào xác định	C94-C94.7
102	Bạch cầu có loại tế bào không xác định	C95-C95.9
103	Đa hồng cầu	D45
104	Hội chứng loạn sản tủy xương	D46 -D46.9
105	Thalassaemia	D56 -D56.9
106	Hồng cầu liềm	D57 -D57.8
107	Các thiếu máu tan máu di truyền khác	D58 -D58.8
108	Thiếu máu tan máu mắc phải	D59 -D59.9
109	Suy tủy xương	D60-D61.9
110	Đông máu nội mạc rải rác (Hội chứng tiêu Fibrin)	D65
111	Thiếu yếu tố VIII di truyền	D66
112	Thiếu yếu tố IX di truyền	D67
113	Von Willebrand	D68.0
114	Thiếu yếu tố XI di truyền	D68.1
115	Thiếu các yếu tố đông máu khác do di truyền	D68.2
116	Thiếu hụt yếu tố đông máu mắc phải	D68.4
117	Ban xuất huyết giảm tiểu cầu vô căn	D69.3
118	Tăng tiểu cầu tiền phát	D75.2
119	Hội chứng thực bào tế bào máu liên quan đến nhiễm trùng	D76.2
120	Liệt nửa người	G81.1/G81.0/G81/G81.9
121	Di chứng tổn thương tủy sống	T91.3
122	Viêm tai ngoài ác tính	H60.2
123	Câm điếc	H91.3
124	U xương thái dương	
125	U dây thần kinh số VIII	

Phụ lục II
THỦ TỤC TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG
CHO TRẺ EM MẮC BỆNH HIỂM NGHÈO
(Kèm theo Nghị quyết số **19** /2023/NQ-HĐND ngày **15** tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo (hoặc người thân thích của trẻ em theo Luật Hôn nhân và Gia đình hoặc người giám hộ của trẻ em) chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Mục 3, 4 Phụ lục này, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, yêu cầu hồ sơ, đối chiếu thông tin bản sao với bản gốc: trường hợp hồ sơ đảm bảo quy định, viết phiếu tiếp nhận; trường hợp hồ sơ không đảm bảo quy định, hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận chuyển hồ sơ cho công chức làm công tác Lao động - Thương binh và xã hội cấp xã.

Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, công chức làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ phần thông tin đối tượng kê khai trong Tờ khai, ghi nội dung xác nhận vào Tờ khai, trình lãnh đạo cấp xã (kèm theo hồ sơ của đối tượng).

Bước 5: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận vào Tờ khai và ban hành văn bản đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện thẩm định.

Bước 6: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản, công chức làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã chuyển văn bản kèm theo hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 7: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản và hồ sơ kèm theo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện chuyển văn bản và hồ sơ đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

Bước 8: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo hồ sơ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện, nguyên tắc và hồ sơ theo quy định: Trường hợp đủ điều kiện hưởng, dự thảo quyết định trợ cấp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Trường hợp

không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Bước 9: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận dự thảo quyết định trợ cấp do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định trợ cấp cho đối tượng.

Bước 10: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định trợ cấp: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển quyết định trợ cấp về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; Đồng thời Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phát hành bản giấy quyết định trợ cấp và chuyển trực tiếp về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 11: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã trả quyết định bản giấy (và bản điện tử nếu đối tượng có yêu cầu) trực tiếp cho đối tượng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cách thức thực hiện

Cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú.

3. Thành phần hồ sơ

- (1). Bản gốc Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội hằng tháng (*theo mẫu*);
- (2). Bản sao Tóm tắt Hồ sơ Bệnh án hoặc Giấy ra viện của người bệnh do bệnh viện tuyến huyện (hoặc trung tâm y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên, bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) cấp. Kèm theo bản gốc để đối chiếu khi nộp hồ sơ.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

6. Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

8. Mẫu tờ khai: Tờ khai đề nghị trợ cấp xã hội hằng tháng (*theo mẫu tại Phụ lục này*)

9. Phí, lệ phí: Không.

10. Kết quả thực hiện

- Quyết định trợ cấp xã hội hằng tháng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng đủ điều kiện hưởng.

- Văn bản Thông báo không đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng của Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện đối với đối tượng không đủ điều kiện hưởng.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân thực hiện Thủ tục hành chính là trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo thuộc đối tượng trợ cấp quy định tại Nghị quyết này hoặc một trong những người thân thích của trẻ theo Luật Hôn nhân và Gia đình hoặc người giám hộ của trẻ em theo quy định của pháp luật.



Mẫu (Kèm theo Phụ Lục II)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện/thành phố:.....
 - Ủy ban nhân dân xã/phường/ thị trấn:.....

I. THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ HƯỞNG TRỢ CẤP

1. Họ và tên: Ngày/tháng/năm sinh:/...../.....
 Số định danh cá nhân theo Giấy KS/CMND/CCCD:.....

2. Đăng ký thường trú tại (ghi rõ địa chỉ cụ thể):

3. Mắc bệnh hiểm nghèo:

- Tên bệnh:..... và Mã bệnh;
 theo Tóm tắt Hồ sơ Bệnh án/Giấy ra viện của cơ sở khám, chữa bệnh (ghi rõ tên cơ sở):
, (có bản sao Tóm tắt Hồ sơ Bệnh án/Giấy ra viện
 kèm Tờ khai).

4. Đang hưởng trợ cấp/hỗ trợ/trợ giúp hằng tháng từ nguồn ngân sách nhà nước
 (ghi rõ có hay không):.....; Trường hợp có, khai các thông tin tiếp theo:

- *Trợ cấp xã hội hằng tháng theo Nghị định của Chính phủ* : Thuộc đối tượng:.....
 Mức hưởng/đồng/tháng; Hưởng từ tháng.....năm

- *Trợ cấp hằng tháng khác*: Ghi rõ loại trợ cấp hằng tháng nào.....
; Mức hưởng đồng/tháng; Hưởng từ tháng.....năm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có nội dung nào khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị UBND huyện/thành phố.....trợ cấp xã hội hằng tháng cho tôi

theo Nghị quyết số...../2023/NQ-HĐND ngày..../12/2023 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc.

Thông tin người khai thay

Ngày tháng năm ...

Họ và tên:

NGƯỜI KHAI

Số định danh cá nhân:.....

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay

Mối quan hệ với đối tượng:

phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Địa chỉ:

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... đã tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra
 và xác nhận các thông tin nêu trên của trẻ em: là (ghi rõ
 đúng hay sai hoặc các nội dung cụ thể khác):...../.

Ngày tháng năm ...

CÁN BỘ KIỂM TRA HỒ SƠ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)